

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU SỰ HỘI NHẬP VĂN HÓA CÔNG GIÁO Ở GIÁO PHẬN ĐÀ NẴNG

ĐOÀN TRIỆU LONG*

1. Hội nhập văn hóa giữa Công giáo và Dân tộc - xu hướng tất yếu của mọi thời kì

Chúng tôi muốn bắt đầu bài viết này với một suy nghĩ của K.Koyama trong cuốn *Thần học Con trâu*. Ông viết: "Trên đường đến nhà thờ xứ, hàng ngày tôi thường thấy đàn trâu nước đang thong thả gặm cỏ trong thửa ruộng bùn lầy. Quang cảnh ấy gợi cho tôi rằng, những người mà tôi có trách nhiệm mang Phúc Âm đến cho họ mà cuộc sống thì như những con trâu nước kia... Tôi quyết định để các đại gia thần học như Toma Aquino hoặc Karl Barth tùy vào nhu cầu trí tuệ và thiêng liêng của các nông dân... Thần học của tôi tại Thái Lan phải bắt đầu với nhu cầu của người nông dân chứ không phải là bắt đầu với những tín điều cao siêu trong các Bộ Tổng luận Thần học và Thần học Tín lí..."⁽¹⁾. Quả thật, đây là một thái độ linh hoạt, hợp lí và thật tuyệt vời - cả về nhận thức giáo dục nói chung, lẫn xét riêng ở góc cạnh phương pháp truyền giáo. Một tri thức mới, thông tin mới dẫu có giá trị đến đâu, có hấp dẫn đến mức nào thì tự thân nó cũng trở thành rỗng rảm, thậm chí vô nghĩa nếu không được diễn đạt đúng phương pháp và phù hợp với đối tượng. Công cuộc truyền bá đức tin của một tôn giáo đạt được kết quả ở

mức độ nào, điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, không thể không đề cập đến phương pháp truyền giáo sao cho có sự thích nghi giữa văn hóa gốc mà từ đó tôn giáo ra đời với nền văn hóa bản địa nơi tôn giáo nhập đến.

Trở lại với những công cuộc truyền bá Công giáo trên thế giới, đã có nhiều lúc, do nhiều lí do, các nhà truyền giáo xem nhẹ việc nắm bắt đối tượng truyền giáo, cụ thể là không chú ý đến văn hóa, lối sống của những vùng, đất mới, những phong tục tập quán bản địa, những thói quen và nền tảng giáo dục, v.v... từ đó dẫn đến những sự áp đặt khiên cưỡng, những sự cưỡng bức văn hóa dẫn đến hiệu quả của công cuộc truyền giáo ít nhiều bị ảnh hưởng. Nhiều nơi đã tạo nên những hiệu ứng ngược rất đáng tiếc. Đơn cử việc không thừa nhận và dẫn tới cấm đoán việc thờ cúng tổ tiên, bắt giáo dân người Việt phải dỡ bỏ, đập phá bàn thờ hay bắt người gia nhập Công giáo phải cắt tóc ngắn ở Trung Hoa, Triều Tiên của các linh mục Phương Tây dẫn đến sự bất đồng kéo dài (cái gọi là vấn đề "nghĩ lễ Trung Hoa", gây tranh cãi suốt 10 đời Giáo hoàng từ khoảng 1631 đến 1742)

*. ThS., Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III, Đà Nẵng.
1. Bản Pháp ngữ là *Theologie au milieu des buffles*, 1974.

gây khó khăn lớn cho việc truyền giáo ở các nước Châu Á lúc bấy giờ.

“Tôn giáo mới nhất thiết phải là văn hóa mới. Các phong tục tập quán đã thay đổi”⁽²⁾. Đây là lời nhận định không có gì phải bàn cãi của Jean Bauberot khi nói về sự xuất hiện của đạo Tin Lành. Điều đó còn cần được hiểu rộng ra cho mọi tôn giáo nói chung. Rằng, khi một tôn giáo thâm nhập đến một vùng đất mới nào, ắt hẳn cũng sẽ cộng theo trên lưng mình những đặc điểm văn hóa riêng có, để rồi lúc ô ạt nhanh chóng, khi rả rích chậm rãi, nó sẽ từng bước tác động làm biến đổi những nét văn hóa ở vùng bản địa mà nó trú chân. Hậu quả của việc thiếu tính hội nhập văn hóa trong quá trình truyền giáo ở Châu Á lúc bấy giờ quả là không nhỏ: Nhiều người dân bản địa tẩy chay, nhìn Công giáo như một dị giáo xa lạ và kệt cớm. Nhiều chính quyền sở tại (Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Trung Quốc, v.v...) cấm Công giáo hoạt động, trục xuất các nhà truyền giáo, v.v... Những thất bại đó buộc các nhà truyền giáo phải nhận ra một chân lí là “nhập gia tùy tục”. Họ hoặc là tự nguyện, hoặc là đành phải miễn cưỡng chấp nhận việc học ngôn ngữ, văn hóa, phong tục tập quán địa phương để có thể gần gũi với dân chúng.

Như vậy, nếu cho rằng truyền giáo là sứ mệnh lớn nhất mà các giáo sĩ phải làm, thì việc thích ứng văn hóa bản địa (hay còn gọi là hội nhập văn hóa) lại là điều kiện tiên quyết quan trọng để có thể thực hiện tốt sứ mệnh đó. Nhận thức ra chân lí này là một điều vô cùng quan trọng, đây là căn cứ thực tiễn để từ đó, từ Giáo hội Hoàn vũ cho đến các giáo hội ở mỗi quốc gia có những thông điệp, quy định đối với mọi linh mục trong quá trình mục vụ. Công Đồng Vatican II đã đưa ra

chỉ thị đối với các Kitô hữu, rằng “*phải diễn tả con người mới của mình trong môi trường xã hội và văn hoá tổ quốc mình, theo truyền thống đất nước mình. Họ cần phải biết nền văn hoá đó, thanh luyện, bảo tồn, phát triển theo hoàn cảnh mới để đưa nền văn hoá đó đến chỗ toàn thiện trong Đức Kitô*” (Ad Gentes số 21).

Tại Thượng Hội đồng Giám mục thế giới về vấn đề Châu Á vào tháng 4 năm 1998, Đức Hồng y Poupard, Chủ tịch Hội đồng Toà Thánh về Văn hoá, nêu lên 3 thách đố của Thượng Hội đồng Giám mục thế giới ở Châu Á, đó là: Thứ nhất, Châu Á là lục địa đông dân nhất thế giới nhưng con số tín đồ Công giáo thấp hơn cả (khoảng 2%); Thứ hai, các Giáo hội Công giáo ở đây luôn bị coi là “ngoại quốc” trong khi Chúa Giêsu Kitô sinh ra tại Palestin thuộc Châu Á; và thứ ba là làm thế nào để có thể hội nhập Tin Mừng vào đời sống các quốc gia thuộc Châu Á. Và cũng đồng nhất với quan điểm đó, trong cuốn *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, C.J Christie chỉ ra bốn yếu tố tạo ra phong trào li khai ở Đông Nam Á trong những thập niên 60 của thế kỉ XX, trong đó, sự khác biệt về tôn giáo là một yếu tố được học giả này nhấn mạnh⁽³⁾.

Từ những thách thức nêu trên nên trong Tông huấn *Giáo hội Á Châu* (1-1999) của Thượng Hội đồng Giám mục Á Châu đã phải coi việc *lấy lại căn tính Á Châu* cho Kitô giáo ở khu vực này là cần thiết. “*Nếu các Giáo hội Á Châu không khám phá ra căn tính riêng mình thì các giáo hội ấy sẽ không có tương lai*”. Với tinh

2. Jean Bauberot. *Lịch sử đạo Tin Lành*. Nxb. Thế Giới, tr. 59.

3. C.J Christie. *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000.

thần đó, trong cuộc họp của Thượng Hội đồng Giám mục đã công bố 3 mục tiêu được coi là ba điểm chiến lược cho toàn thể các Giáo hội Công giáo ở Á Châu trong tương lai. Ba mục tiêu đó là: đối thoại với các tôn giáo, hội nhập văn hóa, và dẫn thân phục vụ người nghèo. Vậy hội nhập văn hóa đã được coi là một trong 3 điểm chiến lược chính của các Giáo hội Á Châu trong thế kỉ XXI này.

Giáo hội Việt Nam cũng có một quá trình nhận thức và rồi cũng hòa chung trong tiến trình hội nhập ấy, rằng “những cử chỉ, thái độ, nghi lễ có tính cách lịch sự và xã giao”, Giáo hội Công giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn khuyến khích cho nó diễn tả lại bằng các cử chỉ riêng biệt cho mỗi nước, mỗi xứ và tùy theo từng trường hợp riêng biệt.

Tinh thần này cũng được thể hiện trong *Thư chung* Hội đồng Giám mục Việt Nam thống nhất năm 1980, là “xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả Đức Tin phù hợp với truyền thống dân tộc”.

Thư chung năm 1992 của Hội đồng Giám mục Việt Nam cũng nêu: “xây dựng một nếp sống và một lối diễn tả đức tin có bản sắc dân tộc hơn”.

Tất cả những trình bày trên như là những phác họa về thực tiễn và lí luận để chúng ta có thể kết luận rằng, sự hội nhập văn hóa của tôn giáo nói chung và Công giáo nói riêng là một điều hết sức quan trọng cho công cuộc truyền giáo của tôn giáo này. Đây cũng là xu thế tất yếu để một tôn giáo có thể tìm đến, ăn sâu bén rễ trong đời sống tinh thần, tâm linh của (một bộ phận) nhân dân, ở các quốc gia dân tộc. Nếu không có điều này, dẫu một tôn giáo có lớn mạnh đến đâu, giáo lí có sâu sắc nhường nào thì tôn giáo đó

cũng chỉ là một vị khách bất đắc dĩ, không hề được chào mừng trong căn nhà Quốc gia, Dân tộc mà nó cất công tìm đến.

2. Lịch sử hội nhập văn hóa của Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng

Về địa giới hành chính, Giáo phận Đà Nẵng gồm tỉnh Quảng Nam và cả Thành phố Đà Nẵng. Giáo phận có 40 giáo xứ thuộc 5 giáo hạt: Đà Nẵng, Hoà Vang, Hội An, Tam Kỳ và Trà Kiệu. Ngoài ra còn có nhiều dòng tu đang hoạt động trong Giáo phận như: dòng Thánh Phaolô, dòng Mến Thánh giá, dòng Con Đức Mẹ vô nhiễm, dòng Đức Mẹ đi viếng, v.v...

Tuy là một giáo phận “sinh sau đẻ muộn” (18/10/1963), song do những đặc trưng riêng có, vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng đã chứng kiến sự có mặt của Công giáo từ đầu thế kỉ XVII (1615). Không những thế, xuất phát từ sự du nhập này mà đạo Công giáo đã tạo một chỗ đứng vững chắc và có sự ảnh hưởng quan trọng đối với giới Công giáo khu vực Miền Trung cũng như trong cả nước. Ngay trong cuốn *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2004*, Hội đồng Giám mục Việt Nam cũng cho rằng: “Nhìn vào trang sử hình thành và phát triển của các giáo phận ở Việt Nam, Giáo phận Đà Nẵng được thiết lập năm 1963 là một trong các giáo phận đàn em, nhưng Đà Nẵng là nơi đóng góp những trang sử đầu, chính thức khai mở công cuộc truyền giáo tại Việt Nam, đặc biệt tại Đàng Trong”⁽⁴⁾.

Nhắc lại điều này để thấy rằng với sự có mặt khá sớm, lại là một giáo phận có vai trò nổi bật trong những buổi đầu truyền giáo, ắt hẳn Giáo phận Đà Nẵng

4. Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam niên giám 2004*, tr. 672.

đã (và đang) có một cuộc hành trình hội nhập văn hóa khá dài và phong phú. Nhận định này được chúng tôi nêu ra dựa trên cơ sở tìm hiểu suốt quá trình du nhập và bén rễ, ăn sâu của Công giáo trên vùng đất này.

Ngày 18 tháng 01 năm 1615 là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự có mặt chính thức của các nhà truyền giáo Phương Tây tại Quảng Nam, Đà Nẵng (nói riêng và toàn xứ Đàng Trong nói chung). Đó là hai giáo sĩ Dòng Tên Francesco Buzomi và Diego Carvalho cùng ba người nhà thầy, trong đó một người Bồ Đào Nha là Antonio Diaz và hai người Nhật là Joseph và Paul. Buổi đầu đến Quảng Nam - Đà Nẵng, các giáo sĩ nêu trên và nhiều giáo sĩ về sau đã tìm mọi cách để truyền giáo có kết quả. Sự hội nhập văn hóa qua đó cũng được triển khai bằng những hành động cụ thể.

Trước tiên là việc học tiếng nói của người dân bản địa để giao tiếp. Trường hợp của Buzomi chẳng hạn. Trong cuốn *Lịch sử giáo hội Công giáo* Quyển 1, Bùi Đức Sinh ghi lại rằng "Cha Carvalho và hai thầy trợ sĩ phụ trách Nhật kiều Công giáo ở Hải Phố cha Buzomi học tiếng Việt và giảng đạo cho người Việt. Dân Quảng Nam rất thích nghe cha Buzomi giảng bằng tiếng Việt, 10 người xin chịu phép Rửa tội lễ Phục sinh năm 1615"⁽⁵⁾. Giám mục F. Pinar cũng vậy, một lần dạo trên bờ biển Quảng Nam, thấy những người dân địa phương xem một vở diễn, trong đó thể hiện sự nhầm lẫn của họ đối với việc truyền bá Công giáo (họ cho rằng theo Công giáo là sẽ trở thành người *Hoa Lang*, thay đổi quốc tịch gốc của mình), vị giáo sĩ này bèn chuyên chú vào việc học tập tiếng Việt và đã gặt hái được nhiều kết quả tốt nhờ hoạt động này. Giám mục F. Pinar luôn coi trọng việc học ngôn ngữ bản địa. Trong bức thư gửi cho các bề

trên ở Ma Cao năm 1623, ông cũng bày tỏ điều này: "Về vấn đề học ngôn ngữ thì luôn luôn ở Kẻ Chàm (Dinh Chiêm, một vùng đất gần Phước Kiều, Quảng Nam ngày nay) chính là nơi tốt nhất. Đây là kinh đô của triều đình. ở đây người ta nói hay. Nhiều người trẻ quy tụ về đây. Họ là sinh viên. Gần họ, những người mới bắt đầu học ngôn ngữ có thể được giúp đỡ..."⁽⁶⁾.

Việc sử dụng âm nhạc vào quá trình truyền giáo ngay thời kì này cũng đã được tiến hành ở Quảng Nam - Đà Nẵng. Nhiều sử liệu còn ghi lại rằng, lúc bấy giờ, các linh mục Dòng Tên đã tìm cách diễn đạt Kinh Thánh bằng những bài hát để mọi người nghe và học thuộc. Những bài hát Thánh ca, những bài kinh nguyện và cả hình ảnh máng cỏ diễn tả cảnh Chúa ra đời cũng được các giáo sĩ truyền giáo trình diễn, khắc họa và tạo được những ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều tín hữu người Việt. Linh mục sử gia Schurhamer SJ kể lại rằng: "tại Đàng Trong, các giáo sĩ đã làm máng cỏ năm 1626 ở Dinh Chiêm (tức dinh trấn Quảng Nam..). Vào năm 1647 ở Faifo (tức Hoài Phố, nay là phố cổ Hội An)... ở Lang Cau (Lăng Cô, phía Bắc đèo Hải Vân) thuộc Đàng Trong rất nhiều người đã theo đạo vì những bài hát về mầu nhiệm Giáng sinh"⁽⁷⁾.

Song song với việc hòa nhập văn hóa bản địa, các giáo sĩ Dòng Tên đã tìm cách sử dụng những yếu tố văn minh Phương Tây vào Quảng Nam - Đà Nẵng. Nhiều giáo sĩ đã cố gắng thuyết phục các quan

5. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử giáo hội Công giáo*, Quyển 1, Calgary, Canada, tr. 358.

6. R.Jacques. *Những người Bồ Đào Nha tiên phong trong lĩnh vực Việt ngữ học*, Nxb. KHXH, 2007, tr. 43.

7. Dân theo tạp chí *Công giáo và Dân tộc*, số 1439, ngày 08/1/2004.

lại địa phương lúc bấy giờ không nên theo chế độ đa thê. Việc đốt vàng mã cũng được các linh mục giảng giải, thuyết phục không nên sử dụng. Một sử gia đã ghi lại một sự kiện như sau: “ở một làng ngoại ô thị trấn Quảng Nam, có bà chị một gia đình Công giáo qua đời. Người em thay vì tốn tiền đốt vàng mã, lập đàn cúng, đã kêu người nghèo đến, giúp đỡ tiền bạc, phân phát đồ dùng áo mặc. Dân chúng trong vùng thấy thế làm phải, đua nhau tìm hiểu đạo mới”⁽⁸⁾.

Nhiều sản phẩm và kiến thức của nền văn minh Phương Tây (dẫu vì mục đích khác) cũng dần được giới thiệu ở vùng đất này. Một đoạn viết về hoạt động của linh mục Alexandre De Rhodes có nêu như sau: “Cuối tháng Giêng năm 1642, cha Đắc Lộ trở lại xứ Nam lần thứ ba. Cha đến Hải Phố, rồi lên Kim Long biểu chúa Thượng một chiếc đồng hồ, nên được giữ lại ở phủ chúa: ban ngày cha dạy chúa toán học, ban đêm dạy giáo lí cho dân”⁽⁹⁾. Cách tính nhật thực, nguyệt thực cũng được phổ biến cho chúa Nguyễn và các triều thân (xem thêm *Hành trình và truyền giáo* của A. De Rhodes và *Xứ Đàng Trong năm 1621* của Borri). Hay sự kiện chữ Quốc ngữ đã ra đời ở Quảng Nam-Đà Nẵng với vai trò của Alexandre De Rhodes, F. Pinar, nhất là khi A. De Rhodes đưa ra 5 dấu: sắc, huyền, ngã, hỏi, nặng và xuất bản quyển *Từ điển Việt-La-Bô* vào năm 1615, đánh dấu một bước ngoặt lớn về ngôn ngữ người Việt.

Hẳn nhiên sẽ còn rất nhiều những sự kiện khác biểu hiện quá trình hội nhập văn hóa của Công giáo diễn ra trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng nhưng chúng tôi chỉ điểm xuyết qua như trên nhằm tạo một dòng chảy liền mạch từ quá khứ đến hiện tại, từ đó để nhìn nhận về quá trình này trong hiện tại.

3. Tình hình hội nhập văn hóa của Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng hiện nay

Thực tế, việc tìm hiểu sự hội nhập văn hóa của Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng hiện nay chỉ có thể đạt được kết quả tốt nếu như có một công trình nghiên cứu đúng tâm vóc, khoa học và nghiêm túc hơn. Ở phạm vi một bài viết, thông qua quá trình diễn dã, chúng tôi xin nêu lên một số nội dung có tính chất khảo tả ban đầu.

Có thể khẳng định ngay rằng, theo thời gian, những yếu tố văn hóa đậm đà bản sắc của người Việt cũng như của vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng đã thấm đầy vào trong những hoạt động của Công giáo thuộc Giáo phận Đà Nẵng này. Về các cơ sở thờ tự, ở nhiều nơi trong Giáo phận Đà Nẵng, chúng ta có thể bắt gặp những nhà thờ đẹp, mang đậm tính dân tộc. Đó là sự hài hòa gắn bó với tự nhiên (khác với sự vượt lên, phá vỡ tự nhiên như thường thấy ở nhiều nhà thờ nơi khác), là việc sử dụng các thế sông, thế núi để làm tôn lên vẻ đẹp độc đáo của nhà thờ. Giáo xứ Hòa Ninh là một ví dụ điển hình. Ngôi nhà thờ này được xây dựng lần đầu tiên vào năm 1926, vị trí của nó được đặt trên một ngọn núi cao thuộc về phía tây của Thành phố. Nhà thờ duyên dáng vút đứng trên một ngọn đồi và giữa trập trùng núi đồi. Khuôn viên của nhà thờ được bao bọc bởi những hàng cây sao cao lớn.

Nhà thờ Phú Thượng và Phú Hạ cũng tương tự, tất cả đều nằm trên những ngọn núi, chan hòa trong cây xanh. Quả thật nếu không dựa vào kiến trúc riêng của mô hình nhà thờ cùng những trang

8. Bùi Đức Sinh. Sđd., tr. 101.

9. Bùi Đức Sinh. Sđd., tr. 366.

trí bên trong, sẽ rất khó để chúng ta phân biệt được đâu là cơ sở thờ tự của Công giáo với Phật giáo và những công trình truyền thống khác. Đối với Giáo họ Phước Kiều (nơi vừa mới được nâng lên thành Đền Thánh hành hương của Giáo phận Đà Nẵng), tuy không ở vùng đồi núi, nhưng lại tạo nên một sự gắn gũi bởi nó gắn bó chặt chẽ với khung cảnh nông thôn Quảng Nam. Sự mộc mạc của một Giáo họ Phước Kiều được thể hiện trong mọi góc nhìn của nhà thờ giáo xứ: những tảng đá gạch kê đỡ chân cây Thánh giá ngoài trời, bức tường bằng gạch mộc đỡ lấy mảng bê tông đắp hình cuốn sách mở, ghi lời nguyện hứa; những hàng bưởi, hàng rào dâm bụt vây quanh khuôn viên. Nhiều luống khoai lang, môn được trồng quanh đó, khiến ta liên tưởng đến khuôn viên một ngôi đình làng hay những ngôi chùa làng truyền thống trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng và nhiều miền quê Việt Nam khác.

Tại Nhà Thánh tâm thuộc dòng tu Phaolô ở ngay giữa lòng Thành phố Đà Nẵng, người ta không khỏi ngỡ ngàng trước "cảnh sắc thiên nhiên Việt" ở đây. Khuôn viên của nhà dòng đầy màu sắc của hoa lá và một không gian thanh bình, thanh khiết và cũng rất gắn gũi, hài hòa với thiên nhiên. Có thể nói, bước vào khuôn viên dòng, chúng ta không khỏi ngạc nhiên giữa sự hài hòa của tính hiện đại trong kiến trúc xây dựng theo lối Phương Tây và tính truyền thống trong bài trí không gian môi trường xung quanh.

Cũng về cơ sở thờ tự, một điểm đáng lưu ý nữa của các nhà thờ ở Giáo phận Đà Nẵng đó là dấu những kiến trúc của các nhà thờ thường được làm theo các phong cách Tây Âu, nhưng đâu đó vẫn thấp thoáng bóng dáng bản sắc văn hóa Việt qua những mái nhà thờ lợp cong vút như

mái đình, những bức phù điêu trang trí trên các xà gỗ, v.v... Rất nhiều những chi tiết bài trí trong các nhà thờ đã thể hiện rõ sự lấp lánh của một nền văn hóa Việt Nam hòa quyện trong nét tâm linh Thiên Chúa này.

Khảo sát các buổi lễ lớn ở các giáo xứ thuộc Giáo phận Đà Nẵng, ta dễ dàng bắt gặp sắc phục truyền thống của dân tộc trong thánh đường Công giáo. Các giáo dân nam nữ trong trang phục khăn đóng, áo dài như đang đi dự một lễ hội truyền thống ở các đình chùa, miếu mạo. Đặc biệt, tại Giáo họ Phú Hạ, trong dịp lễ bốn mạng vừa qua, có cả một đội ngũ nam giới tuổi đời còn rất trẻ mặc áo dài, đội khăn đóng, cầm đèn, lọng đi rước lễ kiệu. Đội nữ giới đều mặc áo dài đỏ, đội khăn đóng, trông thật rực rỡ, đoan trang trong lễ rước và dâng hương, hoa. Hình ảnh những người trẻ trong trang phục dân tộc thể hiện được một quá trình tiếp nối yếu tố bản sắc dân tộc trong mạch chảy của thời gian, và đáng quý hơn nữa, đó còn là sự hòa quyện "chung một dòng sông" giữa yếu tố văn hóa, tâm linh ngoại nhập với dân tộc Việt Nam.

Hình ảnh khuôn mặt Á Đông chít khăn như thế này còn được thăng hoa hơn một bước khi hiện diện ở hình dáng tranh ảnh tượng Chúa hay Đức Mẹ trong các nhà thờ. Bức tranh Đức Mẹ Maria chít khăn đóng ở nhà thờ An Ngãi là một minh chứng nói lên rất nhiều về điều này.

Với quá trình giao lưu hội nhập văn hóa, những đỉnh đồng, biểu tượng gắn liền với quyền uy và cũng thường có mặt trong các đình chùa lớn, đã xuất hiện rất nhiều trong các nhà thờ thuộc Giáo phận Đà Nẵng. Đỉnh đồng trước khu nghĩa địa nhỏ giành cho các linh mục nước ngoài qua đời ở khuôn viên giáo xứ Hội An,

đỉnh đồng trước tượng Đức Mẹ trong giáo xứ Hòa Cường, đỉnh đồng chính giữa cung thánh nhà thờ Phú Hạ, v.v... Cũng như vậy lư hương và hai đế chân nến đồng cũng trở nên hết sức phổ biến trên bàn thờ lễ của mọi giáo xứ thuộc Giáo phận Đà Nẵng. Có thể nói đây chính là quá trình đi ra từ văn hóa truyền thống Việt Nam đến rất nhiều các nhà thờ Công giáo Đà Nẵng.

Lễ dâng hương, rước kiệu cũng là điểm thường xuyên có trong Giáo phận Đà Nẵng. Trong lễ kỉ niệm 50 năm thành lập Giáo xứ Hòa Cường vào ngày 15 - 08 năm 2008 vừa qua chẳng hạn, buổi lễ này được bắt đầu bằng nghi thức rước tượng Đức Mẹ Maria lên đài lễ. Cuộc rước lễ này được tổ chức quy mô, với gần trăm giáo dân đi sau tượng, hàng trăm giáo dân khác xếp thành hàng cung kính hai bên đường khiến liên tưởng đến một lễ rước kiệu truyền thống trong các lễ hội các làng quê Việt Nam. Tại Giáo xứ Phú Hạ, trong nhiều thánh lễ, chúng tôi còn thấy dẫn đầu đoàn rước luôn có hai cây phương trượng, ở trên đỉnh của hai phương trượng được gắn hai ngọn đèn dầu. Những ngọn đèn dầu này được thắp lên và dẫn đầu suốt trọng lễ rước. Cũng tại Giáo xứ mới này, một hình tượng tạo nên ấn tượng thực sự mạnh mẽ về quá trình hội nhập văn hóa đó là những thanh niên áo dài khăn đóng, cầm lọng vàng đi bên cạnh che nắng cho Giám mục của giáo phận Châu Ngọc Tri khi ông lên đây chủ trì thánh lễ. Hình ảnh ngọn đèn dầu Việt dẫn đầu đoàn rước và tán lọng vàng che cho Giám mục thực sự nói lên nhiều điều trong vấn đề hội nhập văn hóa nêu trên.

Trong văn hóa, lễ nghi người Việt, do ảnh hưởng quan điểm của Nho giáo “nam nữ thụ thụ bất thân”, có một sự phân

chia ranh giới khá rõ ràng giữa các nhóm nam và nữ khi cùng tham gia vào một sinh hoạt có tính cộng đồng nào đấy. Điều này đã được mô phỏng lại trong rất nhiều nhà thờ Giáo phận Đà Nẵng mà nhà thờ Hòa Ninh là một ví dụ. Trong thánh đường ngôi nhà thờ Hòa Ninh, có sự bố trí hai dãy ghế bên phải và trái của nhà thờ, và các tín đồ nữ ngồi về phía tay phải, các tín đồ nam ngồi phía tay trái nhìn từ trên xuống. Cách bố trí hai hàng ghế cho tín đồ nam, nữ riêng biệt như trên tồn tại hầu hết các nhà thờ ở vùng nông thôn của giáo phận. Đến giáo họ Phước Kiều, chúng ta có thể bắt gặp một hình ảnh khá ấn tượng: cây Thánh giá lớn trước sân nhà thờ được làm từ hai thân tre buộc chéo nhau. Chỉ một cách thể hiện mộc mạc nhưng hết sức đáng lưu tâm, khi cây tre, biểu tượng nông thôn Việt Nam, đã được hòa nhập trong một biểu tượng có tính thiêng liêng nhất của người Công giáo ở giáo họ này. Cũng trong khuôn viên nhà thờ Phước Kiều (phía trước), một điều rất chú ý nữa là một ngôi mộ của một tín đồ được người thân đến xây khá khang trang, và trên cây thánh giá lại để một câu rất dễ bắt gặp trên các bia mộ người Việt là “phụng lập”. Trước cây Thánh giá trên mộ còn chôn nửa chìm nửa nổi một bình hoa bằng sành để cắm hoa (điều này có thể thấy ở hầu hết các nghĩa trang của người Việt Nam).

Nghệ thuật, âm nhạc trong đời sống đạo ở Giáo phận Đà Nẵng cũng có nhiều điểm lưu ý. Các yếu tố nghệ thuật, âm nhạc dân gian, dân tộc đã tìm được tiếng nói chung với tôn giáo này. Ngay việc bố trí sắc hoa trên bàn thánh cũng nói lên điều đó. Các loại hoa huệ, lay-ơn, sen, những loài hoa thường xuyên xuất hiện trên những bàn thờ tổ tiên người Việt vùng Miền Trung, cũng được sử dụng rất

hài hoà, tự nhiên. Dịp lễ SAPY (viết tắt của Saint Andre Phú Yên) Phước Kiều năm 2007 vừa qua, mọi người đều khâm phục khi được thưởng thức sự trình diễn của đội công chiêng do các nữ giáo dân biểu diễn. Thực tế, không chỉ ở Phước Kiều mà hầu hết các giáo xứ trong Giáo phận Đà Nẵng đều sử dụng công chiêng trong các lễ thánh của mình. Khi các tín đồ cùng linh mục quản xứ thực hiện bí tích Minh Chúa, ăn bánh thánh cũng là lúc những tiếng chiêng trống vang lên thánh thót và đều đặn. Việc sử dụng âm thanh của dàn chiêng trống đã thể hiện một sự giao lưu văn hoá đặc sắc giữa Công giáo và văn hoá truyền thống. Điều này tạo nên một không gian thiêng liêng và một không khí vừa lễ hội, vừa rất Công giáo lại đặc sắc Việt Nam.

Mảnh đất Quảng Nam-Đà Nẵng nổi tiếng với nghề làm đèn lồng (Hội An). Có thật nhiều những chùm đèn lồng treo trong các thánh đường những ngày lễ trọng tạo nên một nét lung linh hài hòa, khiến những nhà thờ cũng trở nên gần gũi hẳn lên với người dân nói chung.

Bên cạnh sự thích nghi của Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng với văn hóa dân tộc cũng cần phải kể đến sự ảnh hưởng của yếu tố hiện đại hóa trong đời sống tôn giáo của giáo phận. Có thể nói, đây chính là kết quả của hai quá trình đáng lưu ý: sản phẩm của nét Âu hóa được mang theo trong quá trình truyền bá và ảnh hưởng của yếu tố thời đại mới (sự hiện đại hóa) trong Công giáo.

Xét về mặt kiến trúc, do nhiều yếu tố (đặc biệt là điều kiện vật chất), nhiều nhà thờ trong Giáo phận đã có sự phá cách, không hệt như khuôn mẫu thường thấy. Việc làm nhà thờ hai gác và giàn thánh ca ở gác lửng thứ 3 ở Hòa Thuận, hay

những mái lợp la-phông bên trong nhà thờ Phú Hạ cũng thể hiện yếu tố xây dựng hiện đại trong kiến trúc. Ở một số nhà thờ trong Giáo phận còn được coi như là một điểm đến du lịch thu hút mọi người bởi những kiến trúc độc đáo hay nhờ sự bố trí sắp xếp đẹp mắt trong khuôn viên. Có nhà thờ còn có cả một phòng triển lãm nhỏ trưng bày nghệ thuật, cuốn hút tín đồ và cả khách vãng lai. Một ví dụ tiêu biểu là nhà thờ Hội An và triển lãm đá nghệ thuật của Linh mục quản hạt Antôn Nguyễn Trường Thăng. Nhiều tác phẩm đá nghệ thuật của ông được giải thưởng lớn của cả nước.

Nhiều yếu tố hiện đại khác cũng đã có mặt trong cuộc sống thường ngày cũng như trong sinh hoạt tôn giáo ở Giáo phận Đà Nẵng. Sự cách điệu, đa dạng phong phú trong trang phục đại lễ của các linh mục (như hình ảnh cây thánh giá sau lưng các linh mục được thể hiện vô cùng đa dạng) cho thấy sự bó buộc, khuôn mẫu cứng nhắc, cũng đang phai dần. Trong lễ thánh của Giáo xứ Hòa Cường, âm nhạc được cử lên hòa trong tiếng chiêng trống là âm vang hùng oai của đội kèn đồng (trong lễ Minh Thánh), tạo nên một sắc thái vừa gần gũi vừa cao xa, vừa thân quen vừa vợi vợi, vừa dân gian vừa hiện đại.

Trong các buổi hành lễ, bên cạnh yếu tố "lễ" thì những yếu tố "hội" tạo một không khí vui vẻ, thoải mái và có sức hút cho các sinh hoạt tôn giáo. Dự các buổi kỷ niệm 70 năm Giáo xứ Hòa Ninh, 50 năm Giáo xứ Hòa Thuận, Hòa Cường, lễ thánh SAPY Phước Kiều, tách Giáo xứ Hòa Lâm, Phú Hạ, v.v... chúng tôi đều được chứng kiến không khí tung bừng vui vẻ này.

Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, những yếu tố hiện đại cũng đã ồ ạt xâm

thực Giáo phận Đà Nẵng. Đầu tiên phải kể đến sự “mở ra” trong làm ăn kinh tế của các dòng tu, giáo xứ, điển hình mà chúng tôi nêu lên ở đây là Nhà Thánh tâm của các nữ tu dòng Phaolô. Để có thêm thu nhập, việc tăng gia sản xuất là công việc thường thấy ở các dòng tu. Sự năng động, khoa học của các nữ tu ở đây thể hiện tiêu biểu thông qua việc tổ chức các lớp học, lớp mẫu giáo (trường Ánh Dương), những khu vực chăm nuôi các trẻ nhỏ khuyết tật, v.v... Hơn thế nữa, nhà dòng còn đứng ra mở các quầy bán hàng lưu niệm (do các em tự sản xuất ra), tiệm gội đầu, quầy vi tính, khai thác internet, v.v... cho thấy một khả năng tiếp cận công nghệ, kĩ thuật và những nét mới của thời đại hết sức nhanh nhạy và hiệu quả.

Sự hòa nhập cùng cộng đồng, xã hội và thời đại còn được thể hiện qua các hoạt động xã hội mà các giáo xứ trong Giáo phận đã tham gia. Đứng trước các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma tuý, HIV/AIDS, thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, v.v... tại Việt Nam, ngày 22-10-1996, Hồng y Phạm Đình Tụng, Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam đã ra lời kêu gọi: “Tôi khẩn thiết kêu gọi mọi người hãy chung tay góp sức chặn đứng và đẩy sạch tệ nạn này ra khỏi giáo xứ và làng xóm của chúng ta. Tôi đề nghị các cha rao giảng về tai họa tệ nạn này để mọi người hiểu rõ, mỗi xứ cần có kế hoạch điều tra và phát hiện kịp thời số người nghiện hút. Các bậc cha mẹ phải thường xuyên theo dõi con em, không để chúng đi lại nơi có nguy cơ bị lôi cuốn hoặc giao tiếp với con nghiện...”. Đây là điều hết sức cần thiết và cấp thiết đã và đang được các giáo xứ triển khai tốt. Thật ấn tượng khi chúng ta đến giáo xứ Hòa Cường, cùng trên tấm bảng lớn ghi những công tác mục vụ của tháng, tuần, với nhiều ảnh

Chúa, Đức Mẹ, ta còn thấy có một tấm giấy ghi những tri thức cần biết để phòng chống HIV. Mỗi sáng, nếu đến cổng bệnh viện Đa khoa của Thành phố Đà Nẵng, hình ảnh các nữ tu đang phát chẩn cháo cho các bệnh nhân nghèo cũng là hình ảnh đầy tính nhân văn, thể hiện sức hút đối với cả xã hội, chung tay vào những công tác từ thiện.

Ở các giáo xứ có điều kiện về địa hình, kinh tế, trong các dịp lễ, những hình thức dã ngoại, hoạt động cộng đồng thường được tổ chức sôi nổi như hành hương, cắm trại, thi khéo tay, sức mạnh, thi trại đẹp, v.v... giữa các giáo khóm, giáo họ. Giáo xứ Hòa Thuận, Hòa Cường, thay vì xếp hàng rắc hoa chào đón giám mục thì lại sử dụng pháo bông giấy bắn lên lung linh giữa không trung.

Cũng trong sinh hoạt lễ nghi, việc sử dụng hiệu ứng của các loại bóng điện trên các ban thờ, cung lễ thánh, v.v... phát ra những tia hào quang trong khắp cung thánh, tạo nên sự uy nghi, rực rỡ lung linh cuốn hút. Nhiều giáo xứ (Phú Hạ, Hòa Thuận...) còn sử dụng truyền hình để truyền hình trực tiếp những hình ảnh trong cung thánh ra hai cánh gà hai bên nhà thờ để các giáo dân chứng kiến và cùng hiệp thông.

Sự tồn tại hai dòng chảy trong Công giáo ở Giáo phận Đà Nẵng rất dễ nhận biết, xuất phát từ một đặc điểm khá đặc biệt của chính Giáo phận này, đó là xét về mặt địa giới hành chính và đời sống kinh tế - xã hội, Giáo phận bao gồm những cư dân một nửa là “nông thôn” (hầu hết ở Quảng Nam và một số vùng như Hòa Vang của Thành phố Đà Nẵng), một nửa là “thành thị” (Tam Kỳ và Đà Nẵng). Có nhiều chênh lệch thể hiện trong hai bộ phận dân chúng giáo dân

này do chính yếu tố địa lí hành chính quy định nên.

Một bên ở trung tâm lớn, đời sống vật chất cao, cách sống hiện đại dẫn tới từ cách tư duy, thói quen, cụ thể ở đây là trong điều kiện tổ chức đời sống đạo, cơ sở thờ tự, có đời sống vật chất đầy đủ hơn cho nên cách thức hành lễ hiện đại hơn, bài bản hơn. Một bên thì ngược lại, thể hiện sự thiếu thốn nhưng mộc mạc, chân chất và mang nặng dấu ấn làng xã. Một bên đã ổn định lâu dài nhưng cộng đồng nhỏ, một bên phát triển với nhiều sự phân tách ra các giáo xứ mới từ các họ lẻ, còn trong sự mở ra, vỡ hoang và tìm hướng đi. Một bên rộng rãi, thoải mái về đất đai, một bên chật chội và luôn có vấn đề về đất đai, cơ sở thờ tự. Một bên ở giữa phố xá, sự ảnh hưởng nhiều của môi trường bên ngoài trong các sinh hoạt phụng vụ, một bên ngược lại.

Dĩ nhiên, vẫn còn không ít những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập văn hóa của Công giáo ở Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong xu hướng mở cửa hội nhập hiện nay, đặc biệt với tư cách là thành phố trực thuộc trung ương, là trung tâm kinh tế - văn hóa, xã hội của Miền Trung, Đà Nẵng đang có những thay đổi phát triển theo chiều hướng hiện đại mạnh mẽ. Điều này cũng đang có những tác động không nhỏ đến đời sống giáo dân ở đây. Từ đó nảy sinh một vấn đề nan giải về sự phát triển kinh tế với bảo tồn văn hóa, sự chưa đồng thuận giữa bản sắc văn hóa Dân tộc với văn hóa Công giáo. Một bộ phận trong giới lãnh đạo Công

giáo của Giáo phận cũng chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của hội nhập văn hóa mà thường chỉ quan tâm tới vấn đề mục vụ.

Quá trình hội nhập, giao lưu văn hoá nêu trên không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió. Có khi nó diễn ra một cách tự phát, đôi khi là tự nguyện; thậm chí rất nhiều lúc đó là một cuộc đấu tranh quyết liệt và lâu dài. Nhưng nhìn chung, cho đến nay, điều quan trọng nhất là đã đạt được những đồng thuận tốt đẹp.

Một vấn đề cần được nhận thức và thấu hiểu là mỗi yếu tố văn hóa đều là những giá trị đẹp của con người, do con người sáng tạo ra và dành tặng cho con người. Thái độ hợp lí nhất là luôn tìm hiểu, tôn trọng, và khai thác, học hỏi lẫn nhau để trên cơ sở giữ vững được bản sắc riêng của mình, tất cả đều cùng vươn đến với sự hoàn thiện trong tương lai. Một giáo hội mà "không khám phá ra căn tính riêng mình thì các giáo hội ấy sẽ không có tương lai" (Tông huấn *Giáo hội Á Châu*, 1/1999). Đây là phương pháp ứng xử và là lời cảnh báo cho mọi giáo hội, mọi tôn giáo trong quá trình hòa nhập với dân tộc, thời đại. Tiêu chí "tôn giáo đồng hành cùng dân tộc" đã, đang và sẽ là một xu hướng tất yếu của các tôn giáo ở Việt Nam. Đây cũng chính là điều quan trọng có tính căn cốt để một tôn giáo có thể tồn tại, bén rễ sâu vào lòng một xứ sở, dân tộc. Và cũng chỉ nhờ vậy một tôn giáo đến từ bên ngoài mới thực sự trở thành nhu cầu tinh thần của một bộ phận người dân trong dân tộc đó./